

TRONG SỐ NÀY

Thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020

Nghị quyết phát triển bền vững ĐBSCL

Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020

Chính sách mới ban hành về nông nghiệp và phát triển nông thôn tháng 11/2017

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2017 – 2020



Theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020 vừa được Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt, mục tiêu cụ thể đến năm 2020 tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt khoảng 3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt từ 3,5%/năm; tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 40%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt khoảng 22%. Thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015; 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; hầu hết dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Cơ cấu lại theo lĩnh vực, sản phẩm

Định hướng giai đoạn 2017 - 2020 cơ cấu lại nông nghiệp theo lĩnh vực, sản phẩm. Cụ thể, tiến hành rà soát quy hoạch, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất theo lợi thế và nhu cầu thị trường để phân loại thành 3 cấp sản phẩm gồm: Nhóm chủ lực quốc gia, tỉnh và đặc sản địa phương.

1. Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia (những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên và thịt lợn, thịt gia cầm), tiến hành rà soát quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức hợp tác, liên kết

theo chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến.

2. Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, các địa phương căn cứ lợi thế và nhu cầu thị trường, lựa chọn nhóm sản phẩm này để quy hoạch và đầu tư theo hướng như đối với sản phẩm quốc gia nhưng quy mô cấp địa phương; có chính sách và giải pháp mở rộng quy mô, sức cạnh tranh để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia.

3. Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương, có quy mô nhỏ, gắn với chỉ dẫn địa lý cụ thể, sẽ được xây dựng và phát triển cùng với xây dựng nông thôn mới ở huyện, xã theo mô hình "Mỗi xã một sản phẩm".

- Đối với ngành trồng trọt: tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp

sạch, nông nghiệp hữu cơ.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giám sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

Chuyển mạnh đất lúa năng suất và hiệu quả thấp sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn, hoặc nuôi trồng thủy sản phù hợp với sinh thái của địa phương; tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng ngô, đậu tương để chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; giảm dần diện tích trồng sắn; phát triển sản xuất rau, hoa công nghệ cao và cây dược liệu; tiếp tục phát triển các cây công nghiệp dài ngày ở những nơi có lợi thế, theo quy hoạch.

- Đối với ngành chăn nuôi, rà soát chiến lược phát triển ngành với từng đối tượng nuôi cụ thể để điều chỉnh quy mô phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực; đồng thời duy trì và phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi tiên tiến, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái.

Tập trung cải tạo giống theo hướng tăng tỷ lệ giống tiến bộ kỹ thuật, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu. Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; tổ chức lại hệ thống giết mổ bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia trong chăn nuôi, chấm dứt tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi từ 4,5-5%/năm; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất chăn nuôi đạt tối thiểu 5%/năm.

- Về lĩnh vực thủy sản, đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển - chế biến thủy sản, gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, từ cung ứng giống, vật tư đầu vào, kỹ thuật, nuôi đến chế biến thủy sản; phát triển mạnh nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

Nuôi trồng thủy sản có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể,...); phát triển một số sản phẩm nuôi có tiềm năng (cá quả, rô phi, thác lác,...), phát triển nuôi biển (tôm hùm, cá biển, rong biển).

Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản đạt 4,5-5,0%/năm; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất thủy sản đạt tối thiểu 5%/năm; sản lượng thủy sản đạt 7 triệu tấn.

Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng

Việc cơ cấu lại theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tại Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về việc phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2050, Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ trọng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm trên 80%, độ che phủ rừng đạt trên 09%.

Cụ thể, sẽ hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng (vùng đồng bằng ngập lũ, vùng sinh thái nước ngọt, vùng sinh thái nước lợ, nước mặn...). Quy hoạch mới chuyển từ "sống chung với lũ" sang "chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn" trên cơ sở quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông.

Đồng thời, xây dựng Đề án bảo vệ bờ biển, củng cố nâng cấp hệ thống đê biển, phòng chống xói lở bờ biển; tập trung đầu tư xử lý ngay những đoạn xói lở, sạt lở bờ sông, bờ biển nghiêm trọng và giám sát chặt chẽ việc triển khai đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện than tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia



giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

Ngoài ra, xem xét việc thành lập Quỹ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm an ninh tài nguyên nước và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trước tháng 12/2020, sẽ hoàn thành xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, kết nối với cơ sở dữ liệu của Ủy hội sông Mê Công quốc tế.

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

Một trong những mục tiêu tổng quát của Chương trình là tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

Theo Chương trình, sẽ xây dựng 01 hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia. Xây dựng, nâng cấp 200km đê, kè sông, biển xung yếu

ở những khu vực có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến sản xuất, tính mạng, đời sống của trên 03 triệu người dân ở những khu vực ven sông, ven biển. Trồng và phục hồi 10.000ha rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn. Đồng thời, xây dựng 01 hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, 01 hệ thống giám sát, dự báo xâm nhập mặn thuộc Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Vốn thực hiện Chương trình gồm: Vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác. Cụ thể, vốn ngân sách trung ương là 15.866 tỷ đồng, trong đó 15.000 tỷ đồng vốn ODA dành cho Hợp phần biến đổi khí hậu và Hợp phần tăng trưởng xanh.

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP PHẢI THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THỊ TRƯỜNG



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT chỉ đạo: diễn biến khí hậu ngày càng cực đoan hơn, gay gắt hơn, bất thường hơn cả dự báo, gây tổn hại lớn đến kinh tế - xã hội. Do đó, tái cơ cấu nông nghiệp phải coi mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu là nguyên tắc hàng đầu.

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Nguyễn Xuân Cường, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp hiện có rất nhiều áp lực, trong đó phải đảm bảo hai mục tiêu: Thích ứng với biến đổi khí hậu và thích ứng với thị trường. Bộ trưởng chỉ rõ, trong tái cơ cấu nông nghiệp phải coi đây là một nguyên tắc cơ bản để tiến hành tái cơ cấu kể cả quy mô ngành hàng quốc gia, quy mô ngành hàng vùng và quy mô ngành hàng địa phương. Những tác động của biến đổi khí hậu, nếu chúng ta biết cách lựa chọn đúng đối tượng sản xuất thì chắc chắn chúng ta vẫn thành công trong tái cơ cấu.

LUẬT LÂM NGHIỆP MỚI HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Luật Lâm nghiệp mới vừa được Quốc hội chính thức thông qua gồm 12 chương, 108 Điều. Luật Lâm nghiệp quy định về quy hoạch lâm nghiệp; quản lý rừng; bảo vệ rừng; sử dụng rừng; chế biến thương mại, lâm sản; quyền và nghĩa vụ của chủ rừng; định giá rừng, đầu tư, tài chính trong lâm nghiệp; khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp; quản lý nhà nước về lâm nghiệp và kiểm lâm. Luật Lâm nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

Luật cũng đề cập xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp. Bảo đảm tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo

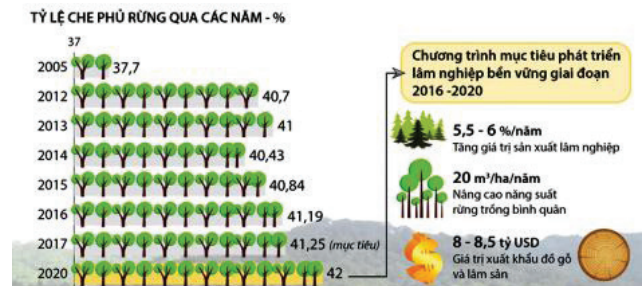
vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng. Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp...

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm như: chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật; tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên...

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Sáng 1/11/2017, tại phiên thảo luận của Quốc hội tại Hội trường về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2017, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Nguyễn Xuân Cường tham gia giải trình về chính sách bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn sắp tới. Bộ trưởng cho biết: Hiện nay sau một thời gian phấn đấu, chúng ta đã nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 28% lên mức 41,19%.

Đến năm 2020, phải giữ được hệ số che phủ là 42%, hình thành một ngành kinh tế lâm nghiệp với giá trị là 40 nghìn tỉ, với tốc độ tăng trưởng là 5,5-6% và giá trị xuất khẩu đồ gỗ là 8,5 tỉ USD.



LUẬT THỦY SẢN 2017 ĐƯỢC XÂY DỰNG PHÙ HỢP HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Gần 90% ĐBQH biểu quyết tán thành thông qua Luật thủy sản. Luật Thủy sản năm 2017 gồm 9 chương với 105 Điều, giảm 01 chương và tăng 43 Điều so với Luật Thủy sản 2003, trong đó có một số thay đổi về kết cấu, bổ sung 01 Chương (Kiểm ngư) nhằm thiết lập cơ sở pháp lý cao nhất cho tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư Việt Nam. Bỏ 02 Chương: Hợp tác quốc tế về hoạt động thủy sản; Khen thưởng và xử lý vi phạm.

Luật thủy sản sửa đổi đã Luật hóa các nội dung liên quan đến chống đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) trong đó có khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC). Nội dung này theo Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục thủy sản (Bộ NN - PTNT) hiện đã được quy định rải rác trong các Điều và các chương của Luật.

Theo đó, Luật Thủy sản đã được sửa đổi dựa trên các nguyên tắc của Công ước Luật biển 1982, Hiệp



định biện pháp quốc gia có cảng của FAO, Hiệp định đàn cá di cư của Liên Hợp quốc, Bộ luật nghề cá có trách nhiệm của FAO, Kế hoạch hành động quốc tế của FAO về khai thác IUU, Hướng dẫn của FAO về thực hiện trách nhiệm quốc gia treo cờ, tập trung vào 9 khuyến nghị của EC.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2019. Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA - TÔM NƯỚC LỢ

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia "Tôm nước lợ - gồm tôm sú và tôm thẻ chân trắng" thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020. Mục tiêu của Đề án nhằm góp phần phát triển ngành công nghiệp tôm nước lợ có khả năng cạnh tranh trên cơ sở áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến gắn với tổ chức lại sản xuất, xây



dựng thương hiệu, phát triển thị trường để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững.

Phấn đấu đến năm 2020, thúc đẩy tạo vùng nuôi tôm sú hữu cơ Đồng bằng sông Cửu Long, sản lượng tôm sú hữu cơ đạt trên 1.000 tấn/năm; vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp tập trung ở một số tỉnh trọng điểm, sản lượng tôm thẻ chân trắng an toàn thực phẩm đạt trên 7.000 tấn/vùng/năm. Góp phần chuyển dịch nghề sản xuất tôm nước lợ nước ta theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững, thân thiện với môi trường và hội nhập quốc tế; đồng thời làm chủ được quy trình công nghệ gia hóa, chọn giống và sản xuất giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng chất lượng cao tương đương thế giới. Xây dựng được quy trình công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng công

nghiệp (năng suất ổn định từ 35-40 tấn/ha/vụ), sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh một số bệnh nguy hiểm phải công bố dịch của Việt Nam và quốc tế.

Nội dung chủ yếu của Đề án khung:

- Nghiên cứu xây dựng quy trình chọn giống, sản xuất tôm bố mẹ, tôm giống, tôm sú, tôm thẻ chân trắng chất lượng cao
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống công trình phục vụ nuôi tôm sú hữu cơ phù hợp hệ thống canh tác tại địa phương
- Nghiên cứu và dự báo thị trường
- Hình thành chuỗi liên kết ngành hàng tôm sú hữu cơ và tôm thẻ chân trắng an toàn thực phẩm hiệu quả, bền vững

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM ĐẠT TĂNG TRƯỞNG 18%/NĂM VÀO NĂM 2020

Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam với mục tiêu: tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trung bình 18%/năm với tổng doanh thu đạt trên 40.000 tỷ đồng, lợi nhuận 9.000 tỷ đồng vào năm 2020. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt bình quân 20%. Lợi nhuận toàn Tập đoàn trên vốn điều lệ bình quân 17%/năm.

Duy trì tổng diện tích cao su đến 2020 khoảng 400.000 ha, trong đó trong nước khoảng 285.000 ha, nước ngoài 115.000 ha. Sản lượng cao su gia tăng bình quân 15%/năm, đến 2020 khoảng 414.000 tấn; tăng cường công tác thu mua mủ cao su tiểu điền, tăng sản lượng từ 60.000 tấn hiện nay lên 105.000 tấn vào năm 2020; sản lượng tiêu thụ xấp xỉ 520.000 tấn năm 2020.

Tăng gấp đôi các sản phẩm như chỉ thun, găng tay, nệm, cao su kỹ thuật với công suất 23.000 tấn/năm hiện nay lên 45.000 tấn vào năm 2020; tiếp tục tìm kiếm đối tác phù hợp để phát triển các sản phẩm chế biến mủ cao su, các loại linh phụ kiện phụ trợ cho các ngành sản xuất khác trong nước.

Về chế biến gỗ, tăng công suất gỗ tinh chế và ghép



tấm trung bình 10%/năm, sản lượng MDF tăng gấp đôi hiện nay, đạt khoảng 900.000 m³ vào năm 2020; nếu thị trường thuận lợi sẽ tiếp tục đầu tư ở khu vực có vùng nguyên liệu dồi dào như Tây Nguyên, Miền Trung, để tiếp tục nâng công suất vào sau năm 2020;

Trong giai đoạn 2016-2020, Tập đoàn phấn đấu khai thác hiệu quả các khu công nghiệp hiện có, mở rộng giai đoạn 2 một số khu vực thuận lợi và đã có quy hoạch; chuyển khoảng 5.000 ha đất phù hợp, thuận tiện giao thông, gần nguồn nước sang sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao với doanh thu đến 2020 đạt trên 1.000 tỷ đồng.

QUY ĐỊNH MỚI TRONG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Bộ Nông nghiệp &PTNT đã ban hành Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Theo đó, hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm cũng thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT.

Đồng thời, Thông tư bổ sung nguyên tắc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm. Cụ thể: Việc chuyển đổi phải theo vùng để hình thành các vùng sản xuất tập trung và đảm bảo phục hồi lại được mặt bằng khi chuyển trở lại để trồng lúa; Việc chuyển đổi phải đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có. Đối với chuyển đổi cơ cấu sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản thì chỉ cho phép sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng cho nuôi trồng thủy sản, độ sâu của mặt bằng hạ thấp không quá 120cm, nhưng phục hồi lại được mặt bằng khi chuyển trở lại để trồng lúa.

Thông tư này được ban hành ngày 09/11/2017, có hiệu lực từ ngày 25/12/2017.

MỤC TIÊU ĐẾN 2023, THU NHẬP CỦA NGƯỜI TRỒNG CÀ PHÊ TĂNG 7%

Ngày 15/11/2017, Bộ Nông nghiệp &PTNT đã ban hành Quyết định số 4653/QĐ-BNN-KHCN phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia "Cà phê Việt Nam chất lượng cao". Với kinh phí dự kiến là 170 tỷ đồng và thực hiện Đề án từ năm 2018 - 2023 và tầm nhìn 2030.

Đề án khung đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng đối với sản phẩm cà phê trên cả nước, ưu tiên cho các vùng chủ lực là Tây Nguyên (gồm các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng), Bắc Trung bộ (Quảng Trị), Trung du miền núi phía Bắc (Sơn La, Điện Biên).

Mục tiêu đến năm 2023, thu nhập của người trồng cà phê tăng 07% so với mức thu nhập bình quân niên vụ 2013 - 2014. Về khoa học và công nghệ, chọn tạo và công nhận 04 giống cà phê chất lượng cao, gồm 02 giống cà phê vối (công nhận sản xuất thử năm 2019, chính thức năm 2023); 02 giống cà phê chè (công nhận chính thức 01 giống năm 2020 và 01 giống năm 2023).

Đồng thời, hoàn thiện quy trình canh tác cà phê



chất lượng cao bền vững theo hướng GAP; Hỗ trợ tối thiểu 10 doanh nghiệp hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến ướt (sử dụng enzym và vi sinh vật); Xây dựng thương hiệu Cà phê Việt Nam chất lượng cao, bảo đảm có 50% doanh nghiệp đầu ngành gắn thương hiệu Cà phê Việt Nam chất lượng cao trên bao bì sản phẩm trong giao dịch, mua bán trên thị trường trong nước và thế giới.

DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2030, DÂN SỐ VIỆT NAM ĐẠT 104 TRIỆU NGƯỜI

Theo Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác dân số trong tình hình mới, dự kiến đến năm 2030, quy mô dân số của Việt Nam đạt 104 triệu người.

Trong đó, phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu: Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái; tỷ lệ trẻ em

dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%. Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên có thai ngoài ý muốn. Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%, bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Với mục tiêu nêu trên, Nghị quyết này nhấn mạnh tới các giải pháp như: Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 02 con, tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 02 con. Rà soát, bổ sung các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm

sóc người cao tuổi; phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế...

Đồng thời, phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm Nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định số 1760/QĐ-TTg (ngày 10/11/2017) điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Quyết định số 1760/QĐ-TTg điều chỉnh mục tiêu về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Theo đó, mục tiêu đặt ra là trong giai đoạn từ 2016 - 2020, hạ tầng kinh tế - xã hội phải đạt yêu cầu tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Như vậy Quyết định bổ sung yêu cầu phải đạt tiêu chí 15 về y tế.

Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, Quyết định sửa đổi một số nội dung về thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; về phát triển ngành nghề nông thôn; về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Quyết định số 1760/QĐ-TTg cũng sửa đổi một số nội dung về phổ cập giáo dục tiểu học; vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

Trong các giải pháp thực hiện Chương trình, Quyết định 1760/QĐ-TTg không quy định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới mà quy định.

Về cơ chế hỗ trợ, Quyết định số 1760/QĐ-TTg điều chỉnh: Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho



các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, ấp, cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới.

CHÍNH SÁCH MỚI BAN HÀNH VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÁNG 11/2017

Ngày ban hành	Nội dung
Thủ tướng Chính phủ	
16/11/2017	Quyết định số 1819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020
15/11/2017	Quyết định 1813/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm 2016-2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
14/11/2017	Công văn 1754/TTg-NN về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

13/11/2017	Quyết định 1785/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về đấu thầu qua mạng.
10/11/2017	Quyết định 1760/QĐ-TTg về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
10/11/2017	Quyết định 1758/QĐ-TTg về việc công nhận thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017.
08/11/2017	Quyết định 1736/QĐ-TTg về việc công nhận huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.
31/10/2017	Quyết định số 1668/QĐ-TTg Về việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng
Chính phủ	
17/11/2017	Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về việc phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu
16/11/2017	Nghị định số 126/2017/NĐ-CP Về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần
14/11/2017	Nghị định 123/2017/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
09/11/2017	Nghị quyết 117/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017.
Văn phòng Chính phủ	
13/11/2017	Thông báo 528/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Hội nghị Sơ kết công tác sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp năm 2015-2017, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2020.
10/11/2017	Công văn 12018/VPCP-NN về việc thay đổi thời gian thực hiện Dự án “Điều tra nguồn lợi thủy sản vùng nội đồng”.
01/11/2017	Thông báo 511/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về “Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và giải pháp thực hiện trong thời gian tới”.
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
15/11/2017	Quyết định 4653/QĐ-BNN-KHCN Phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia “Cà phê VN chất lượng cao”
13/11/2017	Quyết định 4612/QĐ-BNN-TCCB vv giao nhiệm vụ xây dựng DA thành lập Học viện Thủy sản.
09/11/2017	Quyết định 4587/QĐ-BNN-TCLN Phê duyệt Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020; Xây dựng Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040 (kế hoạch kèm theo)
08/11/2017	Quyết định 4572/QĐ-BNN-TCLN về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.
06/11/2017	Công văn 9303/BNN-TCLN về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững.
06/11/2017	Chỉ thị số 9264/CT-BNN-TT về Thúc đẩy thâm canh, PT điều bền vững
06/11/2017	Thông báo số 9292/TB-BNN-VP KL của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường tại hội nghị PT ngành Điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu
03/11/2017	Quyết định 4524/QĐ-BNN-QLDN về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ.
01/11/2017	Quyết định số 4464/QĐ-BNN-TCTS ban hành KH hành động thực hiện QĐ 1434 của TTCP phê duyệt CTMT PTTS bền vững
31/10/2017	Quyết định 4441/QĐ-BNN-BVTV về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	
07/11/2017	Công văn 4673/LĐTBXH-VPQGGN về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017.
Bộ Công thương	
10/11/2017	Quyết định 4246/QĐ-BCT về việc ban hành Kế hoạch hành động ngành Công Thương triển khai Chỉ thị 16/CT-TTg về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
Bộ kế hoạch đầu tư	
15/11/2017	Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT về việc quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia
Bộ Tài chính	
16/11/2017	Quyết định 2369/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính